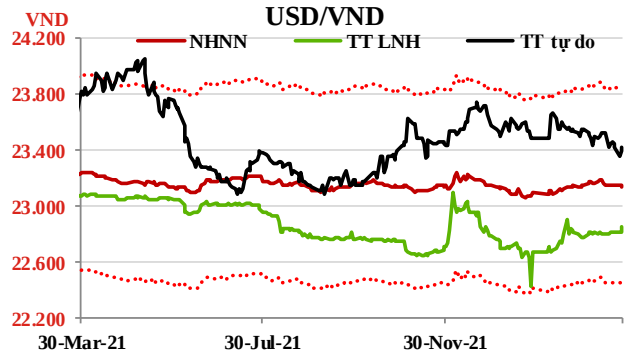

Lãi suất LNH					Trái phiếu		
Kỳ hạn	VND	D/D	USD	D/D	Kỳ hạn	Lợi suất	D/D
ON	2.05	-0.01	0.30	0.02	3Y	1.71	0.003
1W	2.15	-0.02	0.38	0.00	5Y	1.75	-0.031
2W	2.13	-0.04	0.43	0.02	7Y	2.00	-0.015
1M	2.12	0.01	0.50	-0.02	10Y	2.41	-0.009
2M	2.31	0.03	0.59	0.00	15Y	2.68	-0.007
3M	2.37	0.03	0.68	0.00			
6M	2.53	-0.01	0.88	0.00			
9M	2.62	-0.03	1.18	-0.01			
1Y	2.80	-0.04	1.28	0.00			

Nguồn: Reuters

Giao dịch mua kỳ hạn trên OMO (tỷ.đ)

Ngày	Phiên	Kỳ hạn (ngày)	Lãi suất (%)	KL gọi thầu	KL trúng	KL đến hạn	Bơm/hút ròng	KL lưu hành
30-03-22	1	14	2.50	10,000	-	-	-	1,535.29
29-03-22	1	14	2.50	10,000	504.78	-	504.78	1,535.29
28-03-22	1	14	2.50	10,000	-	-	-	1,030.51

Thị trường TPCP sơ cấp

đơn vị: tỷ đồng

TCPH	Ngày ĐT	Kỳ hạn	KL gọi thầu	KL trúng thầu	LS trúng thầu	Thay đổi
MOF	30-Mar-22	10	2000	0	0.00%	0.00%
MOF	30-Mar-22	15	2500	0	0.00%	0.00%
MOF	30-Mar-22	30	500	0	0.00%	0.00%
Tổng			5000	0		

	VN-Index	HNX-Index	Upcom
Điểm	1490.51	451.19	116.88
%/ngày	-0.48%	-2.18%	-0.42%
%/31/12/2021	-0.52%	-4.8%	3.7%
KLGD (tr.d.vị)	901.49	130.82	91.0
GTGD (tỷ đ)	28682.48	3797.14	1907.53
NĐTNN mua (tỷ đ)	1560.35	13.60	1.53
NĐTNN bán (tỷ đ)	1436.70	36.96	0.23

Tin trong nước ngày 30/03

- **Thị trường ngoại tệ:** Phiên 30/03, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 23.135 VND/USD, giảm mạnh 16 đồng so với phiên trước đó. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán kỳ hạn 3 tháng được NHNN giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 22.550 VND/USD và 23.050 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên ở mức 22.809 VND/USD, giảm 56 đồng so với phiên 29/03. Tỷ giá trên thị trường tự giảm 30 đồng ở chiều mua vào và 20 đồng ở chiều bán ra, giao dịch tại 23.320 VND/USD và 23.400 VND/USD.
- **Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 30/03, lãi suất chào bình quân LNH VND giảm 0,01 – 0,04 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi tăng 0,01 đpt ở kỳ hạn 1M, cụ thể: ON 2,05%; 1W 2,15%; 2W 2,13% và 1M 2,12%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,02 đpt ở các kỳ hạn ON và 2W trong khi đi ngang ở kỳ hạn 1W và giảm 0,02 đpt ở kỳ hạn 1M; giao dịch tại: ON 0,30%; 1W 0,38%; 2W 0,43%, 1M 0,50%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giảm ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ tăng ở kỳ hạn 3Y, cụ thể: 3Y 1,71%; 5Y 1,75%; 7Y 2,0%; 10Y 2,41%; 15Y 2,68%.
- **Nghiệp vụ thị trường mở:** Phiên hôm qua, NHNN chào thầu 10.000 tỷ đồng trên kênh cầm cố với kỳ hạn 14 ngày, lãi suất 2,50%. Không có khối lượng trúng thầu cũng như đáo hạn. Như vậy, khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố giữ nguyên mức 1.535,29 tỷ đồng.
- **Thị trường trái phiếu:** Ngày 30/03, KBNN gọi thầu 5.000 tỷ đồng TPCP ở ba loại kỳ hạn 10 năm, 15 năm và 30 năm. Phiên đấu thầu thất bại. Vùng lãi suất đặt thầu thấp nhất tăng từ 4 – 5 điểm tùy kỳ hạn, trong khi vùng lãi đặt thầu cao nhất tăng mạnh 25 điểm đối với kỳ hạn 30 năm và giữ nguyên ở hai kỳ hạn 10 năm và 15 năm.
- **Thị trường chứng khoán:** Hôm qua, thị trường yếu đi đáng kể, hàng loạt cổ phiếu bị bán tháo. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm 7,25 điểm (-0,48%) xuống 1.490,51 điểm; HNX-Index giảm 10,05 điểm (-2,18%) còn 451,19 điểm; UPCom-Index giảm 0,49 điểm (-0,42%) xuống 116,88 điểm. Thanh khoản thị trường phục hồi so với phiên trước đó với tổng giá trị giao dịch đạt gần 34.400 tỷ VND. Khối ngoại mua ròng nhẹ gần 102 tỷ đồng trên cả 3 sàn.
- **Theo Tổng cục Thống kê, tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/3/2022** bao gồm vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của NĐTNN đạt 8,91 tỷ USD, giảm 12,1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 322 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 3,21 tỷ USD, tăng 37,6% về số dự án và giảm 55,5% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ 2021; Vốn đăng ký điều chỉnh của 228 lượt dự án với số vốn đầu tư tăng thêm 4,07 tỷ USD, tăng 93,3%; vốn đăng ký góp vốn, mua cổ phần của NĐTNN có 734 lượt với tổng giá trị góp vốn 1,63 tỷ USD, tăng 102,6%. Vốn FDI thực hiện tại Việt Nam 3 tháng đầu năm 2022 ước tính đạt 4,42 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước.

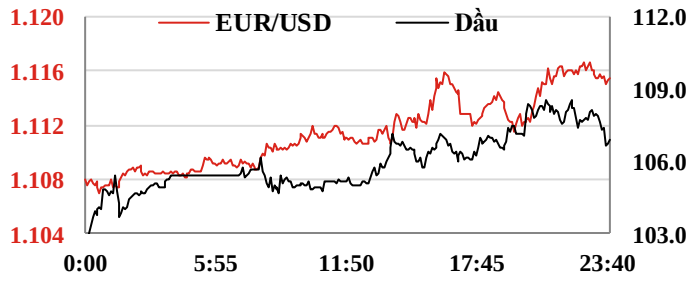

	30 Mar 22	Ngày (%)	Tuần (%)	Đầu năm (%)
USD index	97.79	-0.62%	-0.84%	1.90%
USD/CNY	6.35	-0.21%	-0.39%	-0.08%
USD/EUR	0.90	-0.64%	-1.36%	1.90%
USD/JPY	121.80	-0.85%	0.54%	5.84%
USD/KRW	1210.31	0.25%	-0.68%	1.88%
USD/SGD	1.35	-0.28%	-0.38%	0.25%
USD/TWD	28.57	-0.43%	-0.10%	3.09%
USD/THB	33.33	-0.51%	-0.83%	0.30%
USD/VND Trung tâm	23135	-0.07%	-0.05%	-0.04%
USD/VND LNH	22809	-0.24%	-0.04%	0.07%
USD/VND tự do	23320	-0.13%	-0.21%	-0.55%
Vàng	1933.06	0.72%	-0.53%	5.72%
Dầu	107.82	3.43%	-6.19%	43.36%

DowJones (Mỹ)	DAX (Đức)	Hang Seng (Hồng Kông)
35228.81	14606.05	22232.03
-0.19%	-1.45%	1.39%

	LIBOR		SIBOR	
Kỳ hạn	USD	TĐ	USD	TĐ
ON	0.3281	0.0006		
1M	0.4551	-0.0023	0.6375	0.1425
3M	0.9669	-0.0391	0.7582	0.0612
6M	1.4720	-0.0277	0.7938	0.0612
1Y	2.1259	-0.0771		

Số liệu SIBOR ngày 29/03/2022

Lãi suất cơ bản các Ngân hàng Trung Ương

NHTW	Đồng tiền	Kỳ trước	Kỳ này	Ngày thay đổi	Cuộc họp tới
Mỹ	USD	0,25%	0,50%	16/03/2022	03/05/2022
Châu Âu	EUR	0,05%	0,00%	10/02/2016	14/04/2022
Anh	GBP	0,50%	0,75%	17/03/2022	05/05/2022
Nhật	JPY	0,10%	-0,10%	28/01/2016	27/04/2022
Australia	AUD	0,25%	0,10%	03/11/2020	05/04/2022

Nguồn: TCTK, NHNN, Hose, HNX, Thomson-Reuters, MSBResearch

Tin quốc tế

- **Mỹ đón một số thông tin kinh tế trái chiều.** Đầu tiên, cơ quan Phân tích Kinh tế Mỹ cho biết GDP nước này chính thức tăng 6,9% q/q trong quý cuối năm 2021, điều chỉnh nhẹ từ mức tăng 7,0% theo báo cáo sơ bộ. Nguyên nhân khiến cho GDP Mỹ tăng mạnh trong quý cuối năm là do nước này hoàn toán khống chế được dịch Covid-19, kéo theo rất nhiều lĩnh vực kinh tế hồi phục mạnh mẽ, đặc biệt là sản xuất và tiêu dùng. Như vậy, trong cả năm 2021, GDP Mỹ tăng 5,7%, đảo ngược hoàn toàn mức giảm 3,4% năm 2020. Tiếp theo, ADP khảo sát cho biết nước Mỹ tạo ra 455 nghìn việc làm phi nông nghiệp mới trong tháng 3, thấp hơn một chút so với mức 475 nghìn của tháng 2 và khớp với dự báo. Sau 3 tháng đầu năm 2022, lĩnh vực PNN đã tạo ra tổng cộng 630 nghìn việc làm mới.
- **CPI tại nước Đức tăng vọt trong tháng 3.** Văn phòng Thống kê Liên bang Đức cho biết CPI của nước này tăng 2,5% m/m trong tháng 3, nối tiếp đà tăng 0,9% của tháng trước đó và đồng thời vượt qua mức tăng 1,6% theo dự báo của các chuyên gia. Đây là một trong những mức tăng CPI m/m cao nhất của Đức kể từ năm 1981 tới nay. So với cùng kỳ năm 2021, CPI của quốc gia này tăng 7,3%; cao hơn nhiều so với mức 5,1% ghi nhận ở tháng 2. Theo Reuters, nguyên nhân chính dẫn đến CPI tại Đức tăng mạnh trong tháng vừa qua chủ yếu do giá dầu và năng lượng tại thị trường này leo thang dữ dội sau khi Nga tiến hành chiến tranh tại Ukraine và có những đe dọa ngắt nguồn cung dầu mỏ tới khu vực Châu Âu. Một số ý kiến cho rằng CPI y/y tại Đức có thể tiếp tục tăng mạnh trong quý 2, tạo áp lực lên cả khu vực Eurozone và NHTW Châu Âu ECB.
- **NHTW Thái Lan BOT không thay đổi LSCS.** Trong phiên họp ngày hôm qua, BOT không thay đổi LSCS ở mức thấp lịch sử 0,5% (Repo 1D) mặc dù áp lực lạm phát đang tăng dần. Cơ quan này dự báo CPI sẽ vượt lên cao hơn trong năm nay, trước khi về lại mức mục tiêu 1% - 3% trong năm 2023. Về kinh tế, BOT dự báo GDP của Thái Lan sẽ tiếp tục quá trình hồi phục trong 2022 và 2023, bất chấp những rủi ro mà cuộc chiến Nga – Ukraine mang lại. Trong năm 2021, GDP Thái Lan chỉ hồi phục nhẹ 1,6% sau khi suy giảm nghiêm trọng 6,2% ở năm 2020. Bộ Trưởng Bộ Tài chính Thái Lan Arkhom Termpittayapaisith vào ngày thứ Hai vừa qua nhận định LSCS của BOT nên ở mức thấp nhằm hỗ trợ phục hồi kinh tế.
- **Lịch công bố các chỉ số kinh tế:**

Ngày	Giờ VN	Mức độ ảnh hưởng	Chỉ số kinh tế	Kỳ này	Dự báo	Kỳ trước
30 - 03	6:50	*	Doanh số bán lẻ Nhật Bản yy T2	-0.8	-0.3	1.1
30 - 03	All day	*	CPI sơ bộ Đức mm T3	2.5	1.6	0.9
30 - 03	19:15	***	Số việc làm thay đổi khu vực phi nông nghiệp ADP Mỹ T3	455K	455K	475K
30 - 03	19:15	**	GDP chính thức Mỹ qq Q4/2021	6.9	7.0	7.0
31 - 03	6:50	*	Số cấp phép xây dựng tại Úc mm T2		4.8	-2.7
31 - 03	13:00	*	Doanh số bán lẻ Đức mm T2		0.5	1.4
31 - 03	13:00	*	GDP chính thức Anh qq Q4/2021		1.0	1.0
31 - 03	19:30	***	PCE lõi Mỹ mm T2		0.4	0.5
31 - 03	19:30	**	Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu tại Mỹ we		200K	187K

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX

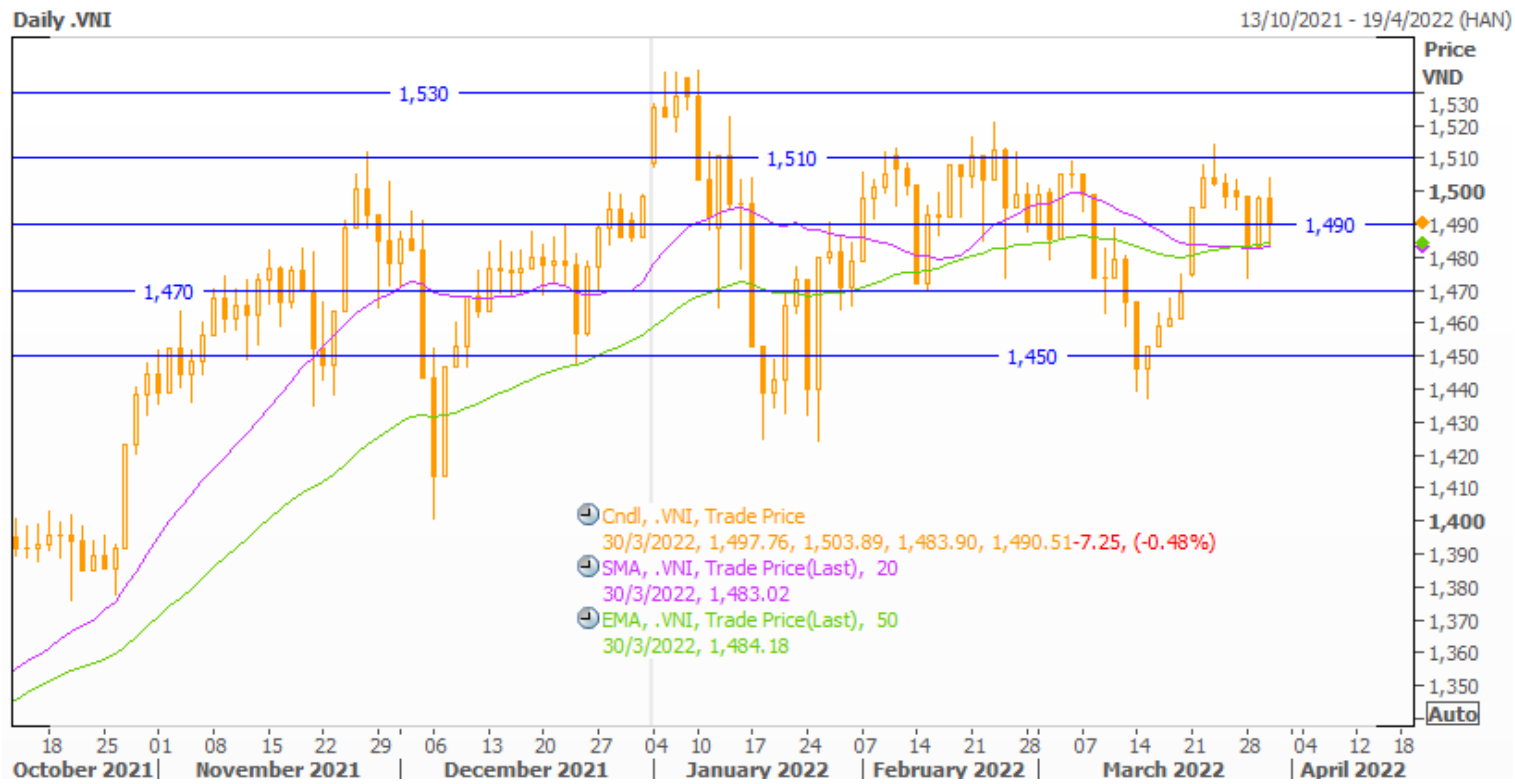

VN-Index giảm xuống mức 1490,51 điểm. VN-Index có nhịp kiểm nghiệm vùng hỗ trợ 1.480-1.485 điểm (SMA20-50), bật lên từ đây để thu hẹp mức giảm về cuối phiên, thị trường có thể sẽ hồi phục trở lại để hướng đến kháng cự tâm lý 1.500 điểm.

Ngưỡng hỗ trợ: 1.480 – 1.460

Ngưỡng kháng cự: 1.520 – 1.540

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI VIỆT NAM

TNR Tower, 54A Nguyễn Chí Thanh - Đống Đa - Hà Nội

ĐT: 04.3771 8989 - Ext: 6867

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU KINH TẾ

Những người thực hiện:

Nguyễn Nữ Hoài Ninh - Trưởng nhóm

Email: ninhnnh1@msb.com.vn

Hoàng Thị Thu Trang - CVCC Phân tích

Email: tranghtt5@msb.com.vn

Nguyễn Trường Giang - CV Phân tích

Email: giangnt12@msb.com.vn

Những thông tin trên đây được Trung tâm Nghiên cứu kinh tế, MSB thu thập từ những nguồn được coi là đáng tin cậy. Những thông tin này chỉ mang tính tham khảo và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không chịu trách nhiệm về bất cứ tổn thất nào gây ra do việc sử dụng những thông tin trên vào mục đích kinh doanh. Những thông tin trên có thể thay đổi do diễn biến của thị trường và Trung tâm Nghiên cứu kinh tế không có trách nhiệm phải thông báo về những sự thay đổi này.

Mọi ý kiến đóng góp, đăng ký hoặc rút tên khỏi danh sách nhận bản tin, xin Quý khách vui lòng liên hệ qua địa chỉ: Research@msb.com.vn